

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HS-ST
Ngày: 28/08/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngân

Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh- Thư ký ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 08 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 08 năm 2024, đối với bị cáo:

Mai Thị Ngọc V, sinh năm 1980 thành phố Hồ Chí Minh. HKTT: Số A B, Phường B, quận T, TP . Hồ Chí Minh, đăng ký tạm trú: Tổ E, khu phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chỗ ở hiện nay: Số A L, khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Viết M, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị Minh L, sinh năm 1956; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: 01 tiền án

- Ngày 25/01/2018, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP . xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2024. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trương Công Đ, Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt- đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

2. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh H1, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Bùi Thị Diễm P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Trần Ngọc Thanh H2, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số D L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị Ngọc V và ông Trần Thanh H (sinh năm 1981, trú tại Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) kết hôn và sống chung với nhau từ ngày 14/3/2023 tại nhà thuê số D H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoảng tháng 5/2023, do vợ chồng V có mâu thuẫn với nhau nên ông H về sống tại Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn V chuyển đến sống tại nhà thuê số B H, khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 271m², thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại Khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do V không chia tay H, muốn níu kéo ông H nên V đã nói dối H là cha mẹ V cho tiền mua căn nhà trên để hai vợ chồng sinh sống, làm ăn. Đến khoảng tháng 6/2023, H về sống chung với V và yêu cầu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên V đã nảy sinh ý định làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên vợ chồng V đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại Khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của bà Trần Ngọc Thanh H2 đổi thành tên vợ chồng V. V lên mạng xã hội facebook tìm thấy tài khoản tên “M1” (không rõ họ tên, địa chỉ) nhận làm các loại giấy tờ. V đặt “M1” làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DB333612 (vào sổ số CS 11054), thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 mang tên Trần Thanh H và Mai Thị Ngọc V do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 với giá 500.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, V nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 185, tờ bản đồ số 98 mang tên H và V thông qua người giao hàng (không rõ họ tên, địa chỉ). Khoảng tháng 11/2023 V cùng H đến gặp bà Nguyễn Thị Ánh H1 (sinh năm 1959, trú tại phường L, thị trấn L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) để vay số tiền 20.000.000 đồng. V, H cùng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H1 giữ để làm tin. Khoảng 02 tháng sau, ông H trả đủ tiền này cho bà H1

rồi lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này về đưa cho mẹ của H giữ. V biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả nên nhiều lần yêu cầu H đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho V nhưng H không đồng ý. V nói H “Nếu không đưa cho V giữ sẽ ra Văn phòng đăng ký đất đai làm sổ mới”. Ngày 26/3/2024, sợ V đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C để làm lại sổ mới nên H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để yêu cầu không cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này thì bị bà Bùi Thị Diễm P (sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là nhân viên Chi nhánh) phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả nên trình báo Công an thị trấn N để giải quyết.

Tại Bản kết luận giám định số 45/KL-KTHS-TL, ngày 07/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Trần Ngọc Cẩm T trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Trần Ngọc Cẩm T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B có hình dấu trên mẫu so sánh ký hiệu M2 đóng ra” (bút lục 44).

Vật chứng bị thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DB333612 (vào sổ số CS 11054), thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 mang trên Trần Thanh H và Mai Thị Ngọc V do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023.

- 01 điện thoại di động hiệu S Galaxy V dùng liên lạc đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị hư hỏng nên V đã bỏ đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được.

Cáo trạng số 87/CT-VKS- CĐ ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Mai Thị Ngọc V về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Mai Thị Ngọc V về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc V với mức án từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB333612 (vào sổ số CS 11054), thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại thị trấn N, huyện C do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 mang trên Trần Thanh H và Mai Thị

Ngọc V do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu S Galaxy bị cáo dùng liên lạc đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị hư hỏng nên bị cáo đã bỏ đi; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B vắng mặt (đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt) và người làm chứng bà Bùi Thị Diễm P vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai của bị cáo Mai Thị Ngọc V tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó xác định vào khoảng tháng 6 năm 2023, Mai Thị Ngọc V lên mạng xã hội facebook tìm thấy tài khoản tên “M1” (không rõ họ tên, địa chỉ) làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB333612 (vào sổ cấp GCN: CS 11054) do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 do Trần Thanh H và Mai Thị Ngọc V đứng tên đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá 500.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, V nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thông qua người giao hàng (không rõ họ tên, địa chỉ). Khoảng tháng 11/2023 V cùng H đến gặp bà Nguyễn Thị Ánh H1 (sinh năm 1959, trú tại phường L, thị trấn L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) để vay số tiền 20.000.000 đồng. V cùng H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H1 giữ để làm tin. Khoảng 02 tháng sau, ông H trả đủ tiền này cho bà H1 rồi

lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này về đưa cho mẹ của H giữ. V biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả nên nhiều lần yêu cầu H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho V nhưng H không đồng ý. V nói H “Nếu không đưa cho V giữ sẽ ra Văn phòng đăng ký đất đai làm sổ mới”. Ngày 26 tháng 3 năm 2024, sợ V đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để làm lại sổ mới nên H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để yêu cầu không cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với thửa đất này thì bị bà Bùi Thị Diễm P (sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là nhân viên Chi nhánh) phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả được xác định tại Bản kết luận giám định số 45/KL-KTHS-TL, ngày 07/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo Mai Thị Ngọc V đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu. Vì vậy, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Bị cáo đang nuôi dưỡng 03 người con trong đó có 01 cháu còn nhỏ, gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB333612 (vào sổ số CS 11054), thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại thị trấn N, huyện C do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 mang trên Trần Thanh H và Mai Thị Ngọc V do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 là vật chứng trong vụ án nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu S Galaxy bị cáo dùng liên lạc đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị hư hỏng nên bị cáo đã bỏ đi; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được.

[6] Về nội dung khác:

- Đối tượng “M1” nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo. Hiện thông tin về đối tượng này chưa rõ ràng nên kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Quá trình điều tra, ông Trần Thanh H khai khi Mai Thị Ngọc V nói mua thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì H có góp số tiền 180.000.000 đồng. Còn bị cáo V khai: Bị cáo có nhận số tiền trên của ông H nhưng mục đích gửi là để chi sinh hoạt gia đình. Xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa nhận thấy việc H đưa tiền cho V được thực hiện nhiều lần và diễn ra trong thời gian dài từ năm 2022 cho đến năm 2023, thời điểm này V chưa phát sinh mục đích làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị Ngọc V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Ngọc V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB333612 (vào sổ số CS 11054), thửa đất số 185, tờ bản đồ số 98 tọa lạc tại thị trấn N, huyện C do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 mang trên Trần Thanh H và Mai Thị Ngọc V do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/7/2023 được lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Phòng PC10, PV06 (CA tỉnh BR-VT);
- Công an H. Châu Đức;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ
TỌA
PHIÊN TÒA

Trần Thị Hạnh
Hoa

Trần Văn

Trần Thị Hồng
Hạnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Cơ quan THAHS huyện Châu Đức;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Trần Thị Hồng Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**Bùi Huy Xuân
Hoa**

Trần Văn

Trần Thị Hồng Hạnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gị thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi

tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh

sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L1 (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H3 bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M2, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L3 bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)